Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8426.11.00

Mã HS	8426.11.00
Mô tả hàng hóa	Cổng trục của tàu thủy; cần trục, kể cả cần trục cáp; khung nâng di động, xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống và xe công xưởng có lắp cần cẩu / - Cần trục trượt trên giàn trượt (cần trục cổng di động), cần trục vận tải, cổng trục, cầu trục, khung nâng di động và xe chuyên chở kiểu khung đỡ cột chống: / - - Cần trục cầu di chuyển trên đế cố định
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 13:35:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84261100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13608
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13608
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13608
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM)	0% (trừ LA, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12906
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12847
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12847
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12847
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12847
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12847
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12847
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12901
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12901
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12901
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12901

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12901
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12901
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12902
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12902
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12902
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12902
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12902
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12902
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12905
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12853
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12861
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12861
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12861
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12861
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12861
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12861
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12892
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12892
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12892
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12892
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12892
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12892
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12941
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12941
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12941
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12941

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12941
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12941
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12924
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12924
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12924
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12924
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12924
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12924
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12924
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12924
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12924
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12924
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12924
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12924
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D12939
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E12939
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F12939
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12939
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12939
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12939
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D12938
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E12938
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F12938
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12938
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12938
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12938

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12918
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12918
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12918
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12918
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12918
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12918
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12918
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12926
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12926
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12926
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12926
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12926
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12926
RCEP B	2022	2022	0	B!D12926
RCEP B	2023	2023	0	B!E12926
RCEP B	2024	2024	0	B!F12926
RCEP B	2025	2025	0	B!G12926
RCEP B	2026	2026	0	B!H12926
RCEP B	2027	2027	0	B!I12926
RCEP C	2022	2022	0	C!D12926
RCEP C	2023	2023	0	C!E12926
RCEP C	2024	2024	0	C!F12926
RCEP C	2025	2025	0	C!G12926
RCEP C	2026	2026	0	C!H12926
RCEP C	2027	2027	0	C!I12926
RCEP D	2022	2022	0	D!D12925

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12925
RCEP D	2024	2024	0	D!F12925
RCEP D	2025	2025	0	D!G12925
RCEP D	2026	2026	0	D!H12925
RCEP D	2027	2027	0	D!I12925
RCEP E	2022	2022	0	E!D12929
RCEP E	2023	2023	0	E!E12929
RCEP E	2024	2024	0	E!F12929
RCEP E	2025	2025	0	E!G12929
RCEP E	2026	2026	0	E!H12929
RCEP E	2027	2027	0	E!I12929
RCEP F	2022	2022	0	F!D12926
RCEP F	2023	2023	0	F!E12926
RCEP F	2024	2024	0	F!F12926
RCEP F	2025	2025	0	F!G12926
RCEP F	2026	2026	0	F!H12926
RCEP F	2027	2027	0	F!I12926
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F11986
VIFTA	2025	2025	4	VI!G11986
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H11986
VIFTA	2027	2027	3	VI!I11986

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8426.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8426.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13608), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)
SPHH không phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.